

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ

Ngày: 29/10/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Nguyễn Thị Thuận

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 115/2021/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2021, thông báo dời ngày xét xử, thông báo mở lại phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/10/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quang Thị Mỹ H, sinh năm 1988 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Đức D, sinh năm 1985 - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Quang Thị Mỹ H trình bày:* Bà và ông D tự nguyện chung sống với nhau năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2007, quyền số 04.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại gia đình nhà chồng tại thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đ, khi vợ chồng ly thân bà chuyển về nhà cha mẹ đẻ tại Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đ sống từ đó cho đến nay.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 2/2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông D bài bạc, không lo lắng gì cho vợ con, trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2/2021 cho đến nay, trong thời gian ly thân đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình sống chung bà và ông Đỗ Đức D có 02 con chung tên Đỗ Linh C, sinh ngày 25/12/2008 và Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 09/05/2011. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đỗ Đức D trình bày:*

Quá trình chung sống và đăng ký kết hôn đúng như lời bà H trình bày. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm tháng 5/2021 vợ chồng cãi qua lại với nhau và ly thân, bà H về nhà cha mẹ để sinh sống từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân ông đã tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì vẫn còn tình cảm và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là những mâu thuẫn nhỏ không đáng kể, mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

#### **Tại phiên tòa:**

\* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Đức D, về con chung bà yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn: Ông Đỗ Đức D vắng mặt không có lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, bà H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 20/5/2021 bà Quang Thị Mỹ H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Đỗ Đức D, vì vậy đây là vụ án hôn nhân gia đình. Ông Đỗ Đức D đang cư trú tại Thôn 06, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Đỗ Đức D vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Đức D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 48/2007, quyền số 04 ngày 01/6/2007 của UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông thì ông Đỗ Đức D và bà Quang Thị Mỹ H là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các bản tự khai bà H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là ông D không lo lắng cho gia đình, trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ 02/2021 cho đến nay, trong thời gian ly thân đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Kết quả xác minh tại địa phương cho biết ông D và bà H tính tình không hợp nhau, kinh tế xa sút, ông D không quan tâm đến gia đình nên dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân không còn sống chung một nhà. Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật ông D nhiều lần nhưng ông D vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn thể hiện ông D không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó, hiện nay ông D và bà H đã ly thân, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm gì đến ai. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông D và bà H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà H và ông D có 02 con chung tên Đỗ Linh C, sinh ngày 25/12/2008 và Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 09/05/2011. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2021 ông D cho biết nếu vợ chồng ly hôn các con

muốn ở với ai thì ông đều đồng ý và không có ý kiến gì và tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2021 hai trẻ Đỗ Linh C và Đỗ Thị Minh T đề mong muốn được ở với mẹ. Nhận thấy hai trẻ C và T đều là con gái để tạo điều kiện của sự phát triển của hai trẻ nên giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Quang Thị Mỹ H được ly hôn với ông Đỗ Đức D. Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2007, quyển số 04 ngày 01/06/2007 của UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao 02 trẻ Đỗ Linh C, sinh ngày 25/12/2008 và Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 09/05/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà H không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông D có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em,

Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng do bà Quang Thị Mỹ H chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003394 ngày 04/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Bà H đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- UBND xã Tâm Thắng;
- CCTHADS Huyện Cư Jút;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**

